CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp - Thương mại Củ Chi

Ngày 31/03/2025	20,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	**1.2%**	**6.9%**

DT thuần *Q1/25*
92.0 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▼9.00| -8.9%
YoY: ▼13.0| -12.3%

LN thuần *Q1/25*
19.4 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▲ 17.3| 841%
YoY: ▲ 4.60| 31.0%

LN sau thuế *Q1/25*
15.5 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▲ 14.3| 1232%
YoY: ▲ 3.70| 31.0%

Tỷ suất lãi EBIT *Q1/25*
21.1%
YoY: +/-▲ 19.4%

ROE (TTM) *Q1/25*
14.4%
YoY: +/-▲ 2.2%

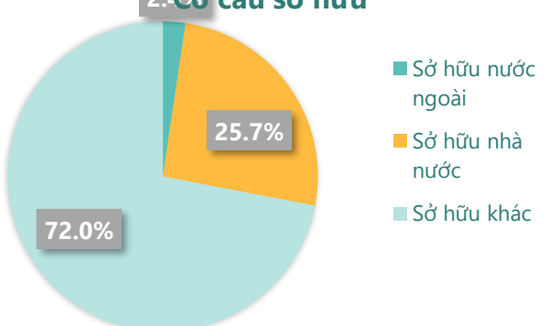
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	17,489 - 23,568
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	360
Số lượng CPLH (CP)	17,541,105
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,820
Sở hữu nước ngoài	2.4%
Beta	
EPS	2,080
P/E	9.9

DT thuần *2024*
424 *tỷ VNĐ*
YoY: ▼1.00| -0.3%

LN thuần *2024*
41.9 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 10.2| 32.1%

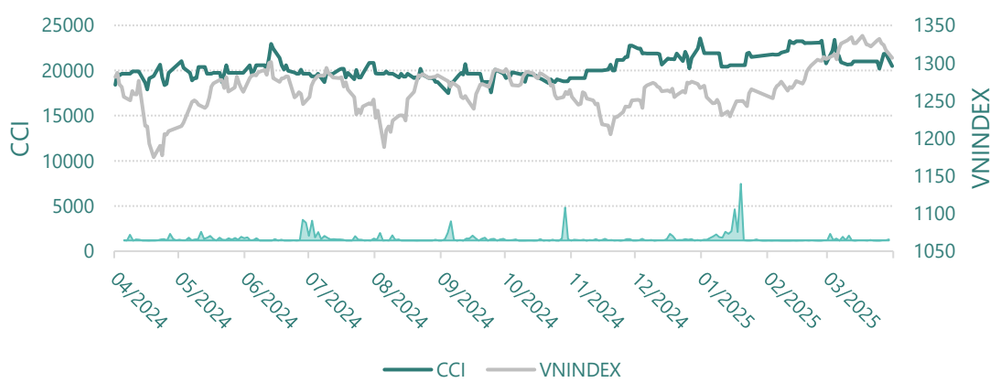
LN sau thuế *2024*
32.8 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 7.60| 30.5%

Cơ cấu sở hữu

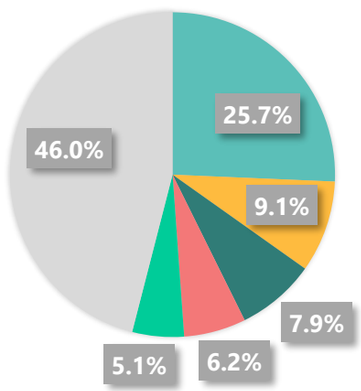


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

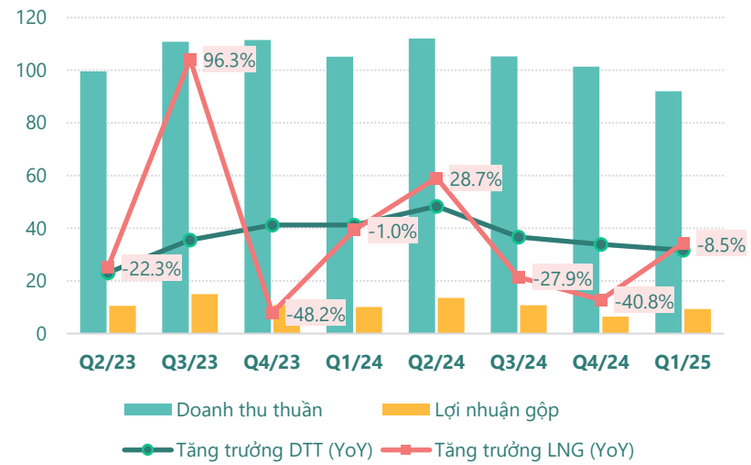


- Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh
- Tổng CTCP Bảo hiểm Hùng Vương
- CTCP Đầu tư Gia Thy
- Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại Thuận Việt
- Đoàn Minh Duy (Tổng giám đốc)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

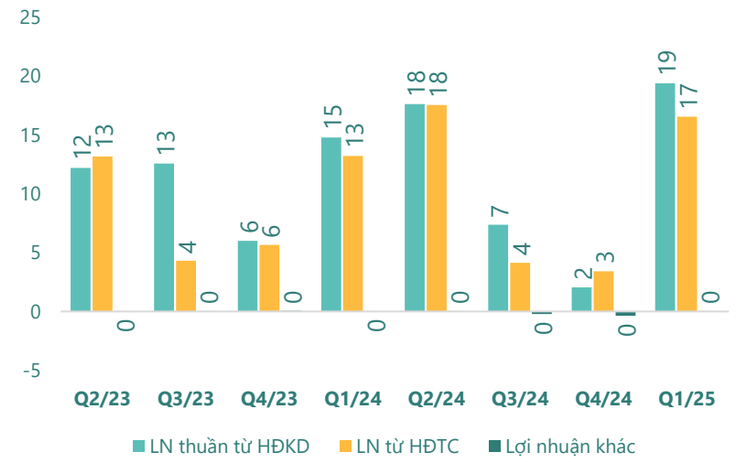
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



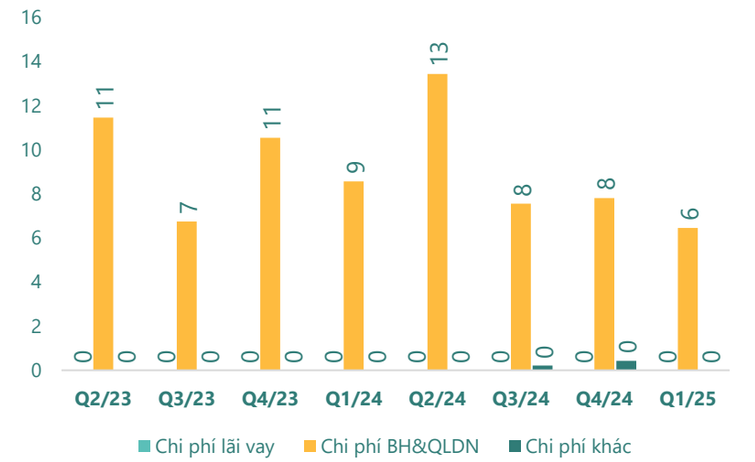
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



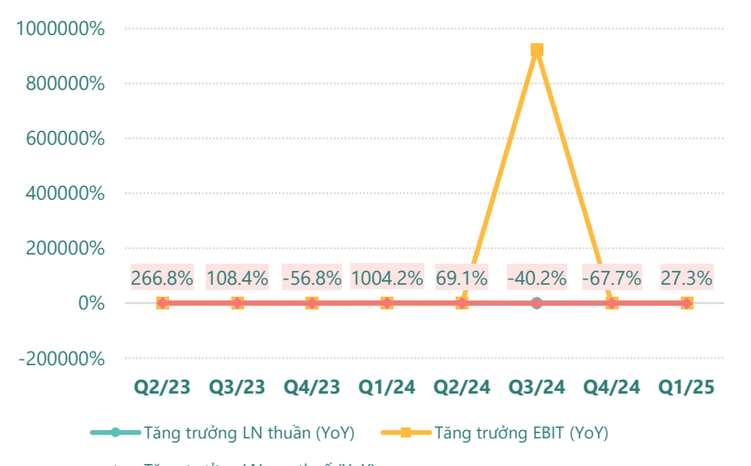
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



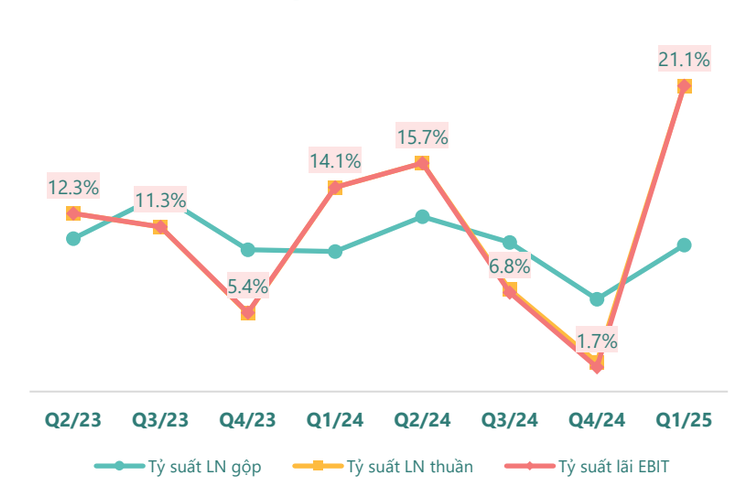
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



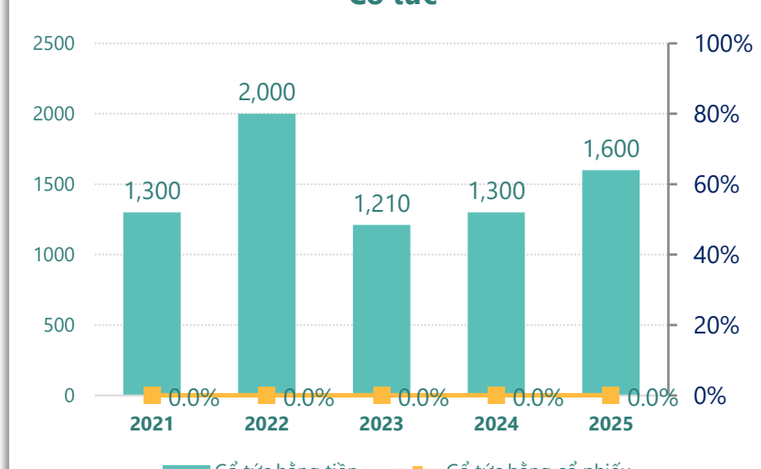
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

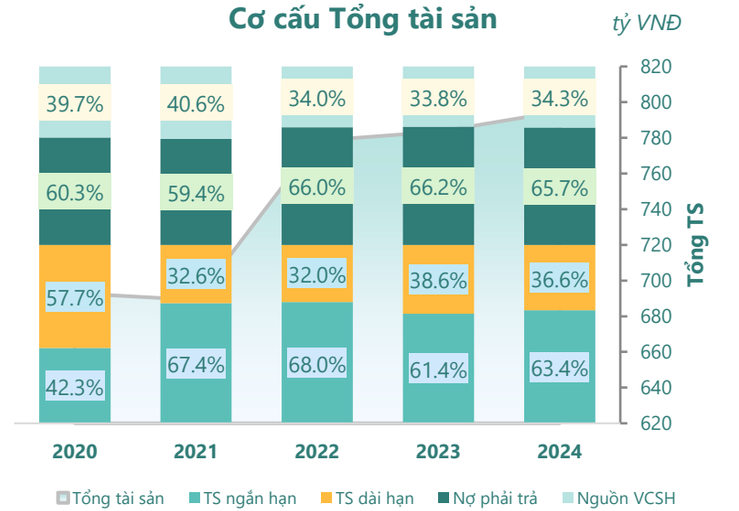
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

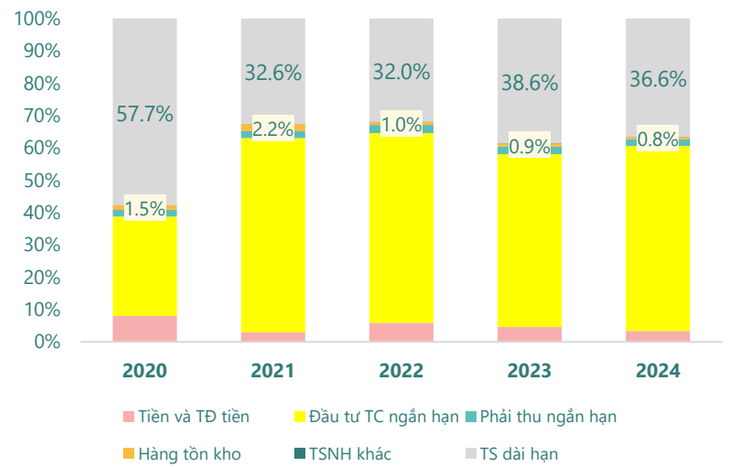
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



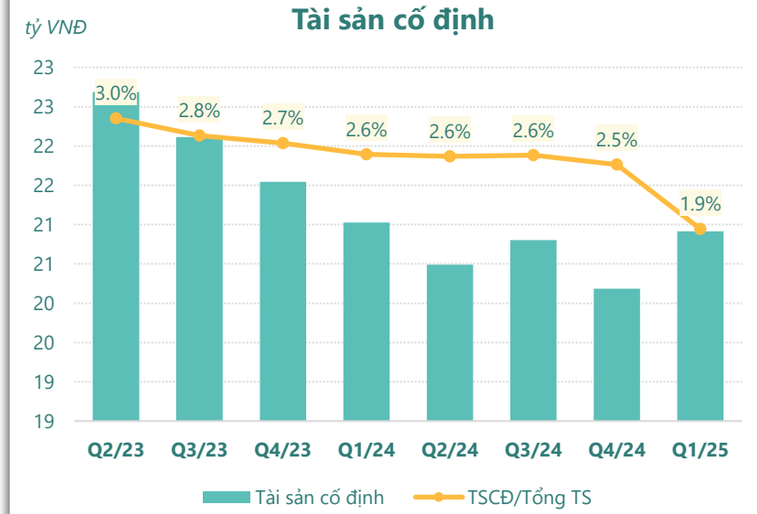
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



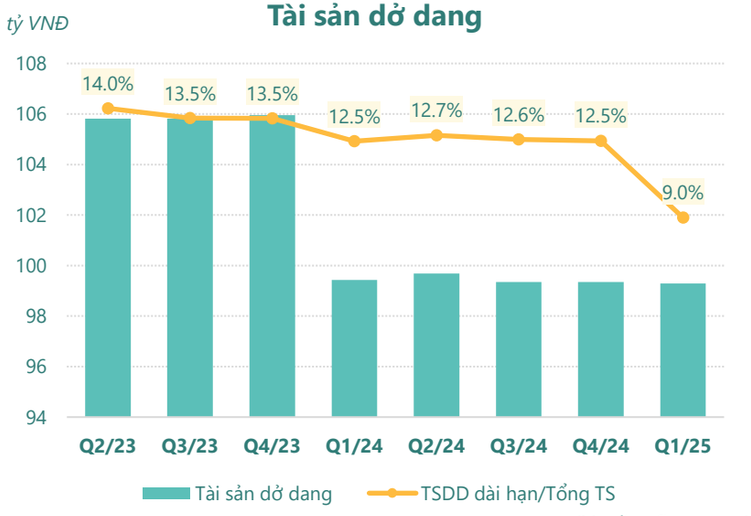
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



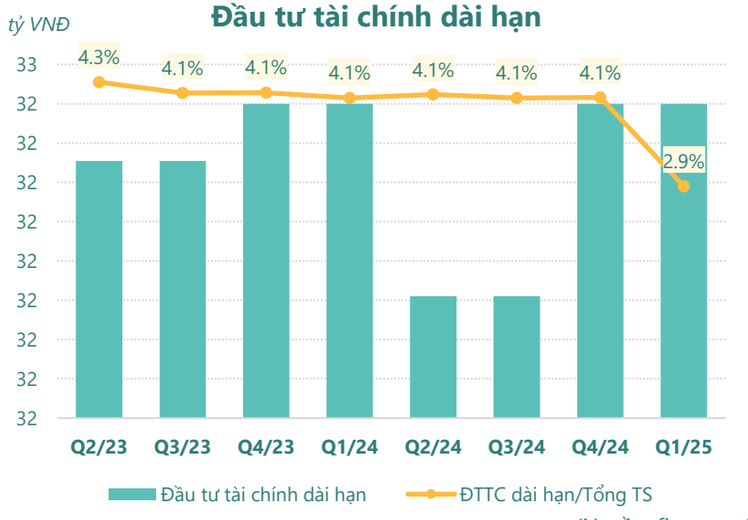
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



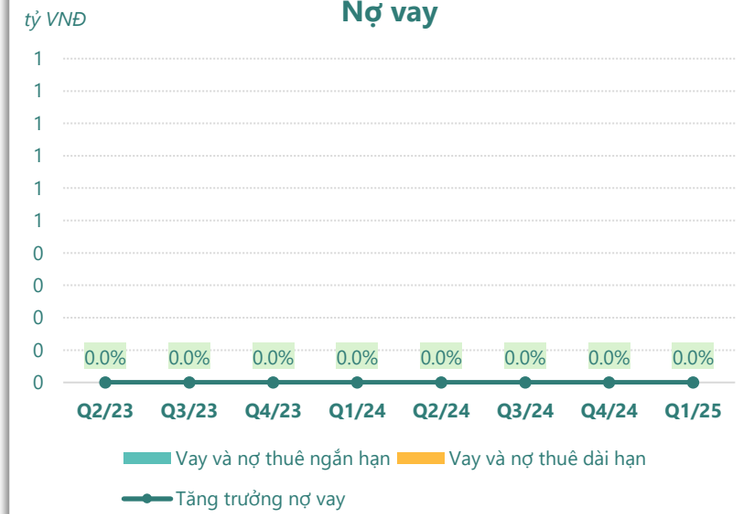
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

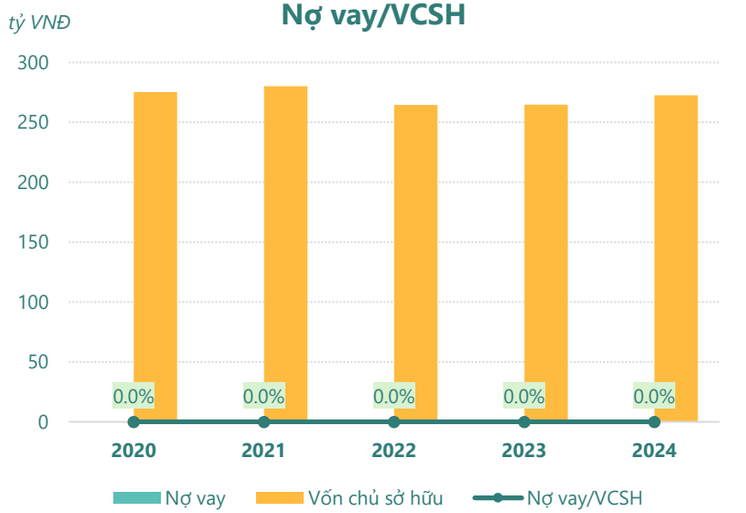
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

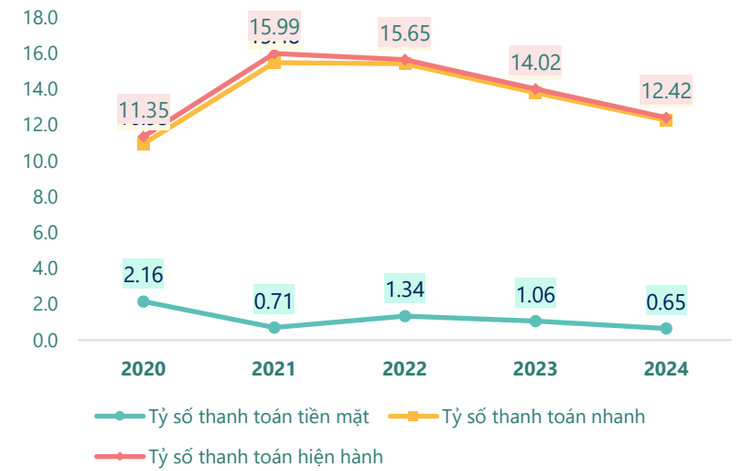
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



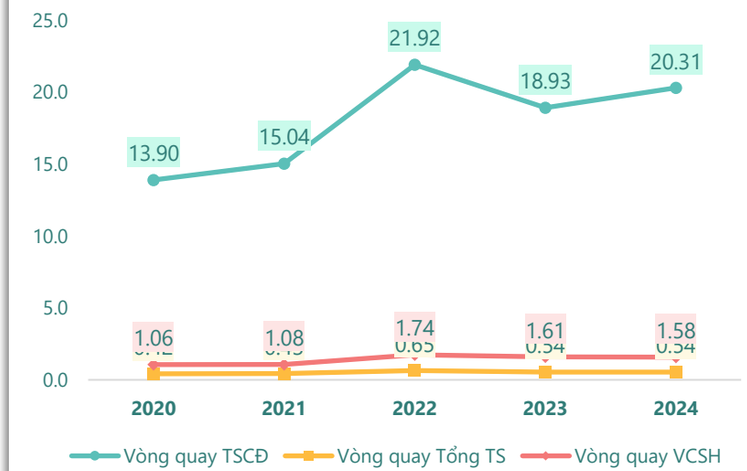
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



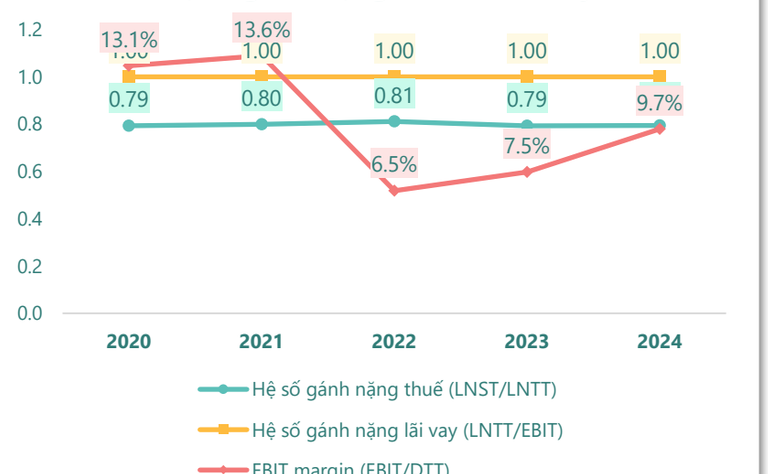
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



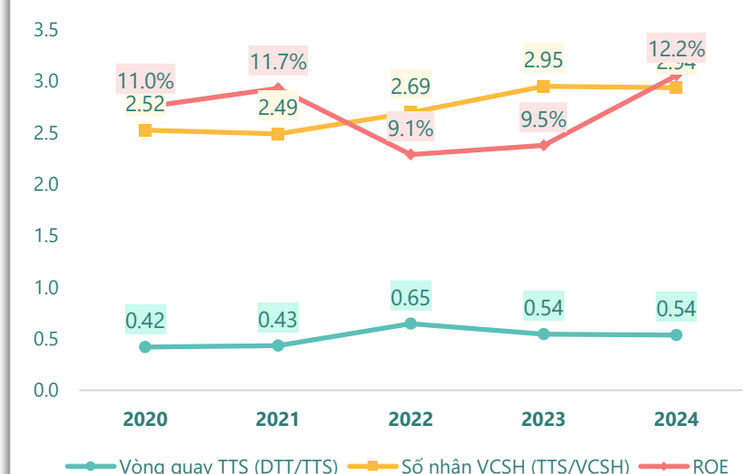
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



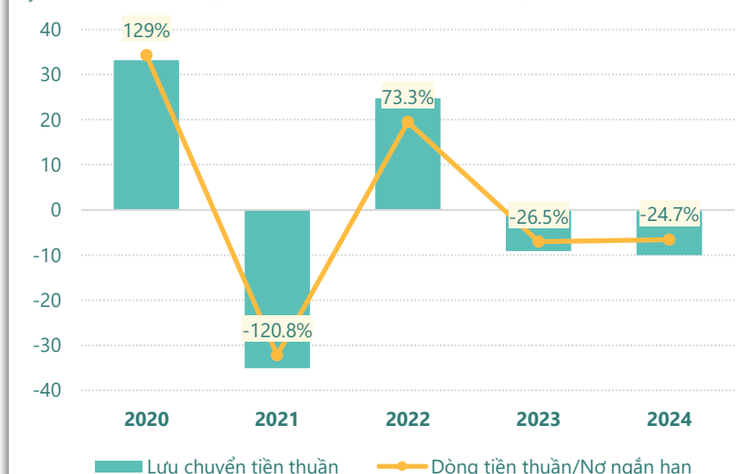
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**92.0**	**105**	**-12.3%**	**424**	**425**	**-0.3%**
Giá vốn hàng bán	82.8	95.0	-12.9%	383	379	1.1%
Lợi nhuận gộp	9.29	10.1	-8.1%	40.9	46.6	-12.3%
Doanh thu HĐTC	9.45	5.60	68.8%	21.3	32.0	-33.5%
Chi phí TC	-7.11	-7.62	6.6%	-17.0	10.7	-260%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	2.58	3.74	-31.1%	14.0	19.0	-26.3%
Chi phí QLDN	**3.88**	**4.83**	**-19.6%**	**23.4**	**17.3**	**35.2%**
LN thuần từ HĐKD	19.4	14.8	31.0%	41.9	31.7	32.1%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**-0.01**	**101%**	**-0.58**	**0.04**	**-1510%**
LN trước thuế	19.4	14.8	31.0%	41.3	31.7	30.1%
Lợi nhuận sau thuế	**15.5**	**11.8**	**31.0%**	**32.8**	**25.2**	**30.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**15.5**	**11.8**	**31.0%**	**32.8**	**25.2**	**30.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	8.65	-3.40	10.3	14.8	3.11	294
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	23.6	-16.4	-16.0	-3.06	-265
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.17	0	-23.0	-0.01	-0.01	0
Tiền đầu kỳ	27.9	36.4	56.6	27.5	26.3	26.3
Lưu chuyển tiền thuần	**8.48**	**20.2**	**-29.1**	**-1.21**	**0.04**	**28.2**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	36.4	56.6	27.5	26.3	26.3	54.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,100**	**795**	**38.4%**
Tài sản ngắn hạn	811	504	61.0%
Tiền và tương đương tiền	54.6	26.3	107%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	731	455	60.8%
Phải thu ngắn hạn	21.6	16.5	31.0%
Hàng tồn kho	3.87	6.18	-37.3%
Tài sản ngắn hạn khác	0.05	0.08	-37.5%
Tài sản dài hạn	**289**	**291**	**-0.7%**
Phải thu dài hạn	0.31	0.19	64.4%
Tài sản cố định	20.9	20.2	3.6%
Bất động sản đầu tư	121	123	-1.9%
Tài sản dở dang	99.3	99.4	-0.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	32.5	32.5	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**15.3**	**15.7**	**-2.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	845	522	61.8%
Nợ ngắn hạn	**69.4**	**40.6**	**71.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	1.42	4.42	-67.8%
Nợ dài hạn	776	482	61.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**255**	**273**	**-6.4%**
Vốn chủ sở hữu	**255**	**273**	**-6.4%**
Vốn điều lệ	177	177	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)